

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày 09 - 03 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Ông Nguyễn Ngọc Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021 tại Hội trường xét xử TAND huyện T, tỉnh T đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/HSST ngày 08/02/2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX- ST ngày 24/02/2021 đối với bị cáo:

Trương Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 09 năm 1995; tại xã M, huyện T, tỉnh T; nơi thường trú: Thôn S, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn S; sinh năm 1965; con bà: Quách Thị Đ; sinh năm 1977; Có vợ Quách Thị Minh Th; sinh năm 2001; có 02 con; con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 01/10/2020 đến 28/5/2020 đến nay. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo.**

Bà Lê Thị Lý Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 05 - Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

*** Người bị hại:**

Chị: Quách Thị Minh Th – Sinh ngày 07/08/2001(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện NQ, tỉnh NB.

*** Người làm chứng**

1. Ông Quách Văn L – Sinh năm 1969(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện CT, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 01 tháng 10 năm 2020, Công an huyện T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại gia đình ông Trương Văn Sinh trú tại thôn S, xã M, huyện T, con trai ông S là Trương Văn T có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy. Công an huyện T phối hợp với Công an xã M tiến hành xác minh; qua kiểm tra xác minh tổ công tác phát hiện, thu giữ bên trong, phía sau ốp điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen đồng, màn hình cảm ứng của Trương Văn T 02 gói nhỏ, kích thước khoảng (01 x 02)cm bọc bên ngoài bằng giấy, dạng giấy viết học sinh, bên trong chứa chất bột màu trắng, dạng cục, vụn, nghi là ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu Trương Văn T về Ủy ban nhân dân xã M để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật trên.

Tại bản Kết luận giám định số 2705/PC09 ngày 05/10/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: các cục chất bột màu trắng chứa trong 02 gói nhỏ, kích thước (01 x 02)cm thu giữ của Trương Văn T là ma túy, có tổng khối lượng là 0,223 gam, loại Heroine.

Về nguồn gốc số ma túy, Trương Văn T khai nhận: bản thân là người nghiện ma túy nên tối ngày 30/9/2020, T đã đi xuống khu vực thị trấn V, huyện T mua của một người phụ nữ không quen biết 200.000 đồng được 02 gói ma túy cất vào sau ốp điện thoại để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì sáng ngày 01/10/2020 T bị phát hiện, kiểm tra và bắt quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho T, do T không cung cấp được nhân thân, lai lịch cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý khi có đủ căn cứ.

Qua kiểm tra lý lịch bị can của Trương Văn T, xác định bị cáo có con là Trương Thị Như Q sinh ngày 27/6/2017, là con của bị cáo và chị Quách Thị Minh Th sinh ngày 07/8/2001, thời điểm sinh cháu Q, chị Th chưa đủ 16 tuổi. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy mẫu tóc của bị cáo T và cháu Như Q, chị Minh Th để trưng cầu giám định ADN, xác định mối quan hệ huyết thống của T và cháu Như Q.

Bản kết luận giám định số 298/PC09 ngày 08/01/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh T kết luận: Chị Quách Thị Minh Th là mẹ đẻ của cháu Trương Thị Như Q, bị can Trương Văn T không phải là bố đẻ của cháu Trương Thị Như Q.

Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của T và chị Minh Th, cả hai cùng khai nhận: Vào khoảng tháng 10 năm 2016, sau một thời gian quen nhau, T có đón chị Th về nhà T chơi khoảng 1 tuần. Thời điểm này, tại nhà T có bố mẹ đẻ của T và bà nội của T ở nhà. Trong quá trình sống tại nhà T, T và chị Th có quan hệ tình dục với nhau một lần tại gian nhà hai gian của gia đình bị cáo. Việc quan hệ này xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai, trong quá trình quan hệ tình dục và sau đó cả T và Th không áp dụng biện pháp tránh thai. Sau đó Th về nhà mình, T và Th không gặp nhau đến khi chị Th sinh cháu Trương Thị Như Q; chị Th có đăng ảnh cháu bé lên mạng xã hội. T thông qua mạng xã hội biết thông tin chị Th sinh con, nghĩ cháu Như Q là con của mình nên T đã cùng gia đình ra đón chị Th và cháu Q về nhà chăm sóc. Đến tháng 9/2019 thì bị cáo và chị Th làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Quá trình điều tra xác định, thời điểm giao cầu với chị Th, Trương Văn T đã đủ 18 tuổi, đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Chị Quách Thị Minh Th chưa đủ 16 tuổi.

Về bố đẻ cháu Trương Thị Như Q, chị Th khai báo không nhớ rõ ai là bố đẻ của cháu do thời điểm năm 2016 chị Th quan hệ tình dục với nhiều người, không áp dụng biện pháp tránh thai. Chị Th khai không nhớ rõ thông tin nhân thân của những người chị từng quan hệ tình dục và không nhớ chính xác địa điểm xảy ra quan hệ tình dục. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã tiến hành khởi tố vụ án “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 2 Điều 145 bộ luật hình sự để tiếp tục điều tra.

Về vật chứng vụ án: Tại thời điểm bắt quả tang Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 02 gói nhỏ, kích thước (01x02) cm bên trong có chứa các chất bột dạng cục vụn, màu trắng (kết quả giám định là Heroine) có khối lượng 0,223 gam. Sau giám định, cơ quan giám định đã hoàn lại mẫu vật giám định, gồm: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,206 gam chất bột màu trắng được niêm phong trong một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Phạm Thanh Hải, Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Trần Thị Thúy Hằng và 07 hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng được dán kín trong một phong bì viền xanh đỏ, niêm phong bởi các chữ ký của Lê Văn Lộc, Trương Văn T, Quách Văn L, Trương Văn Tiên, Phạm Anh Đức và 05 hình dấu giáp lai của UBND xã M.

- 10 sợi tóc có chân của bị can Trương Văn T.
- 10 sợi tóc có chân của chị Quách Thị Minh Th.
- 10 sợi tóc có chân của cháu Trương Thị Như Q .

Đối với số tóc trên Cơ quan điều tra đã gửi đi giám định ADN, sau giám định, Cơ quan giám định đã sử dụng và tiêu hủy.

Số tang vật còn lại hiện đang bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Chị Quách Thị Minh Th không yêu cầu bị can phải bồi thường dân sự và đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng giảm nhẹ hình phạt cho bị can.

Tại Bản cáo trạng số 11/CT-VKSTT ngày 05/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện T đã truy tố Trương Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 và tội “*Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

* Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm c Khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38, khoản 1 Điều 55 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trương Văn T từ 15 đến 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và từ 12 đến 15 tháng tù về tội “*Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Về vật chứng, đại diện VKSND đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố

tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS): T tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Đề nghị trả lại cho Trương Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị Minh Th không yêu cầu bị can phải bồi thường dân sự nên đề nghị không xem xét. Đề nghị miễn tiền án phí cho bị cáo.

Ý kiến trình bày của người bào chữa: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà đại diện VKSND đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo còn trẻ tuổi môi trường giáo dục còn khó khăn bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức còn hạn chế, phạm tội lần đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Đề nghị HĐXX miễn tiền án phí cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Bị cáo thống nhất lời khai của mình tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi có quan hệ tình dục với chị Th một lần tại gian nhà dưới hai gian của gia đình bị cáo khi chị Th chưa đủ 16 tuổi.

Tại phiên tòa người bị hại là chị Th thống nhất với lời khai của bị cáo tại thời điểm tháng 10 năm 2016 thì bị cáo có đón chị về nhà chơi một tuần và có quan hệ tình dục với nhau một lần do chị tự nguyện là đúng với thực tế. Tại phiên tòa chị đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo nhanh về với gia đình.

Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Vào khoảng 08 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2020, tại thôn S, xã M, Tổ công tác Công an huyện T phối hợp với công an xã M phát hiện, bắt quả tang Trương Văn T đang thực hiện hành vi tàng trữ ma túy có khối lượng 0.223 gam, loại Heroinne mục đích để sử dụng. Ngoài ra vào khoảng tháng 10 năm 2016, tại nhà ở của gia đình T tại thôn S, xã M, T còn thực hiện hành vi

giao cầu với chị Quách Thị Minh Th một lần khi chị Th chưa đủ 16 tuổi mặc dù qua xác minh cháu Trương Thị Như Q sinh ngày 27/6/2017 không phải là con của bị cáo nhưng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi quan hệ tình dục với chị Th khi chị Th chưa đủ 16 tuổi. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm hai tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại vào Điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và Khoản 1 Điều 145 BLHS. VKS truy tố bị cáo về hai tội trên là đúng người đúng tội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có hai tình tiết giảm nhẹ là tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51BLHS nên khi lượng hình HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần.

[5]. Xét tính chất vụ án. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý nhà nước về các chất ma túy; gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội trên đại bàn, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi, mà còn là tiền đề và điều kiện phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác trong xã hội. Đối với hành vi “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm và sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của trẻ em được pháp luật bảo vệ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy nên quyết định cho bị cáo một mức án thật nghiêm phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Thời gian bị cáo bị tạm giữ sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6]. Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho T, do T không cung cấp được nhân thân, lai lịch cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý khi có đủ căn cứ.

[7]. Qua kiểm tra lý lịch bị cáo Trương Văn T, xác định bị cáo có con là Trương Thị Như Q sinh ngày 27/6/2017, là con của bị cáo và chị Quách Thị Minh Th sinh ngày 07/8/2001, thời điểm sinh cháu Q, chị Th chưa đủ 16 tuổi. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của T và chị Minh Th, cả hai cùng khai nhận: Khoảng tháng 10 năm 2016 T và chị Th có quan hệ tình dục với nhau một lần tại gian nhà hai gian của gia đình bị cáo. Sau đó Th về nhà mình, T và Th không gặp nhau đến khi chị Th sinh cháu Trương Thị Như Q, biết thông tin chị Th sinh nên T đã cùng gia đình ra đón chị Th và cháu Q về nhà chăm sóc. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy mẫu tóc của bị cáo T và cháu Như Q, chị Minh Th để trưng cầu giám định ADN, xác định mối quan hệ huyết thống của T và cháu Như Q. Bản kết luận giám định số 298/PC09 ngày 08/01/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh T kết luận: Chị Quách Thị Minh Th là mẹ đẻ của cháu Trương Thị Như Q, bị cáo Trương Văn T không phải là bố đẻ của cháu Trương Thị Như Q, chị Th khai báo không nhớ rõ ai là bố đẻ của cháu do thời điểm năm 2016 chị Th quan hệ tình dục với nhiều người, không áp dụng biện pháp tránh thai. Chị Th khai không nhớ rõ thông tin nhân thân của những người chị từng quan hệ tình dục và không nhớ chính xác địa điểm xảy ra quan hệ tình dục. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an

huyện T đã tiến hành khởi tố vụ án “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 2 Điều 145 bộ luật hình sự để tiếp tục điều tra.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản cá nhân, nên nghĩ không cần áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9]. Về đề nghị của người bào chữa: Chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo với lý do bị cáo là người dân tộc thiểu số điều kiện giáo dục môi trường xã hội khó khăn nên nhận thức còn hạn chế, phạm tội lần đầu. Xét thấy những tình tiết trên HĐXX nghĩ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật nhà Nước Việt Nam.

[10]. Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 0,206 gam Heroin, là mẫu vật còn lại sau giám định. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng đây không phải là phương tiện công cụ phạm tội xét thấy nên trả lại cho bị cáo

[11]. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo và người bào chữa xin miễn tiền án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí vì vậy cần miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

T bố: Bị cáo Trương Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55 và Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 30(ba mươi)tháng. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/10/2021.

Áp dụng: Điểm a điểm c Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

-Tịch thu tiêu hủy 0,206 gam (*không thấy hai không sáu gam*) Heroin đựng trong phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Phạm Thanh Hải, Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Trần Thị Thúy Hằng và 07 hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T. Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/03/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện

T, tỉnh T. Trả lại cho Trương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

-Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Án xử kín sơ thẩm có mặt bị cáo, có mặt người bị hại, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân